

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024



MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| THƯ MỜI HỌP | 2 |
| GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ | 4 |
| CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2024 | 5 |
| THẺ BIỂU QUYẾT | 7 |
| QUY CHẾ CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT..... | 8 |
| TỜ TRÌNH V/v: điều chỉnh việc Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG..... | 15 |
| TỜ TRÌNH V/v: điều chỉnh mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024..... | 17 |
| TỜ TRÌNH V/v: thông qua điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Công ty..... | 19 |
| TỜ TRÌNH V/v: thông qua phê duyệt Điều lệ Công ty | 23 |
| TỜ TRÌNH V/v: thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và Điều lệ Công ty | 40 |
| TỜ TRÌNH V/v: thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty | 42 |
| BIÊN BẢN HỌP | 44 |
| ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024 | 44 |
| NGHỊ QUYẾT | 49 |
| ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024 | 49 |

Số: 02/2024/TM-ATS

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư ATS

Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư ATS trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024, như sau:

1. Thời gian: 8h ngày 26/11/2024

2. Địa điểm: Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đối tượng tham dự: Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng 30/10/2024 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp có quyền tham dự.

4. Nội dung họp:

- Tờ trình thông qua điều chỉnh việc Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG;
- Tờ trình thông qua việc điều chỉnh mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT, BKS năm 2024;
- Tờ trình thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và điều lệ Công ty;
- Tờ trình thông qua việc điều chỉnh Điều lệ Công ty;
- Tờ trình thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và Điều lệ Công ty;
- Tờ trình thông qua việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Tài liệu họp: Dự thảo tài liệu họp được đăng tải tại Website: <https://atesco.vn/> từ ngày 04/11/2024.

6. Hướng dẫn thủ tục đăng ký tham dự/ ủy quyền tham dự đại hội

- Trường hợp cổ đông cá nhân, người đại diện theo Pháp luật của cổ đông tổ chức trực tiếp tham dự họp ĐHĐCĐ, yêu cầu xuất trình các tài liệu sau: (i) Giấy tờ pháp lý

của cá nhân người dự họp (CCCD/Hộ chiếu/Giấy tờ chứng thực hợp pháp khác) (ii) Đối với cổ đông tổ chức: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập...)

– Trường hợp cổ đông thực hiện ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp: (i) Bản chính Giấy ủy quyền được gửi kèm theo Thông báo mời họp này hoặc Văn bản ủy quyền hợp pháp khác có đầy đủ thông tin theo quy định (ii) Giấy tờ pháp lý của cá nhân người dự họp (iii) Đối với người ủy quyền là cổ đông tổ chức: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập...)

7. Các vấn đề khác:

– Đăng ký tham dự: Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự hoặc ủy quyền qua thư tín, điện thoại hoặc email hoặc gửi thẻ biểu quyết về cho Công ty trước 16h ngày 25/11/2024 theo thông tin như sau:

Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư ATS

• Địa chỉ: số 11.24 Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

• Điện thoại: 0919012659

• Email: quanhecodong.ats@gmail.com

– Cổ đông về dự Đại hội tự túc kinh phí.

– Nơi giữ xe: tầng hầm toà nhà Golden King, lối vào cổng đường Trần Văn Trà.

Thông báo này thay cho thư mời trong trường hợp Quý cổ đông không nhận được thư mời.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2024

Kính gửi: Ban tổ chức ĐHĐCĐ Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư ATS (HNX: ATS)

Tên cổ đông/ đại diện ủy quyền:

Số giấy tờ pháp lý của cổ đông: ngày cấp:

Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (tổ chức): Chức vụ:

Tổng số cổ phần sở hữu (tại ngày chốt 30/10/2024):.....

Căn cứ vào Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 được tổ chức vào ngày 26/11/2024 của Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư ATS, tôi/chúng xin xác nhận:

(Vui lòng đánh dấu “x” vào một trong các ô bên dưới)

☐ Trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024

☐ Ủy quyền cho ông Trần Phúc Thiên Ân – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư ATS

☐ Ủy quyền cho: (tên cá nhân/tổ chức):

Số CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKDN: Ngày cấp.....Nơi cấp

Được nhân danh Tôi/Chúng tôi dự họp ĐHĐCĐ diễn ra vào ngày 26/11/2024 và toàn quyền biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024.

Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền cho Bên thứ ba. Bên ủy quyền chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Việc ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024.

....., ngày.....tháng.....năm 2024

Người được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2024

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

| Thời gian | Nội dung |
|-------------|--|
| 8h00-8h30 | Phần I: Kiểm tra tư cách đại biểu và khai mạc 1. Tiếp đón đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông |
| 8h30-8h45 | 2. Khai mạc – Tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu, Khách mời – Tóm tắt Nội quy Đại hội – Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông – Giới thiệu Chủ tọa đoàn – Giới thiệu và thông qua Ban thư ký đại hội, Ban kiểm phiếu – Phát biểu khai mạc Đại hội |
| 8h45-10h00 | Phần II: Nội dung chính 1. Đại hội thông qua Chương trình họp 2. Báo cáo các nội dung tại ĐHĐCĐ bất thường 2024 - Tờ trình thông qua điều chỉnh việc Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG; - Tờ trình thông qua việc điều chỉnh mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT, BKS năm 2024; - Tờ trình thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và điều lệ Công ty; - Tờ trình thông qua việc điều chỉnh Điều lệ Công ty; - Tờ trình thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và Điều lệ Công ty; - Tờ trình thông qua việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. |
| 10h00-11h15 | Phần III: Thảo luận và Biểu quyết 1. Đại hội thảo luận |
| 11h15-11h45 | 2. Đại hội biểu quyết – Biểu quyết của Cổ đông về các Tờ trình – Kiểm phiếu biểu quyết của Cổ đông |
| 11h45-12h | Phần IV: Bế mạc – Thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường 2024; – Phát biểu bế mạc Đại hội. |

THẺ BIỂU QUYẾT

Áp dụng cho các nội dung biểu quyết công khai

tại

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM
2024

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG

ATS –

1. Tên cổ đông:
2. Số cổ phần có quyền biểu quyết tại ngày ĐKCC 30/10/2024: cổ phần
3. Tổng số phiếu biểu quyết = phiếu biểu quyết

THẺ BIỂU QUYẾT

Các báo cáo, tờ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024

I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

- Họ và tên cổ đông:
- Số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu tại ngày ĐKCC 30/10/2024:cổ phần
- Mã số cổ đông: ATS -

II. BIỂU QUYẾT

Tổng số phiếu biểu quyết =(tương đương số cổ phần tại ngày ĐKCC)

Cổ đông chỉ được tích dấu X hoặc ✓ vào một lựa chọn đối với mỗi nội dung biểu quyết

| Stt | Nội dung | Tán thành | Không tán thành | Không có ý kiến |
|-----|--|-----------|-----------------|-----------------|
| 1 | Tờ trình thông qua điều chỉnh việc Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG | | | |
| 2 | Tờ trình thông qua việc điều chỉnh mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT, BKS năm 2024 | | | |
| 3 | Tờ trình thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và điều lệ Công ty | | | |
| 4 | Tờ trình thông qua việc điều chỉnh Điều lệ Công ty | | | |
| 5 | Tờ trình thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và Điều lệ Công ty | | | |
| 6 | Tờ trình thông qua việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty | | | |
| 7 | Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông | | | |

Hà Nội, ngàytháng năm 2024

Cổ đông/Người đại diện

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

QUY CHẾ CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS.

ĐIỀU 1. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy chế này được ban hành nhằm quy định các nguyên tắc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường và nguyên tắc, phương thức biểu quyết các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 2. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH CUỘC HỌP

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất.

ĐIỀU 3. QUY ĐỊNH VỀ TRẬT TỰ CUỘC HỌP ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in Phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.

3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.

5. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải để chế độ rung hoặc im lặng.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN

1. Điều kiện tham dự cuộc họp

Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 30/10/2024 do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp có quyền tham dự. Cổ đông không thể trực tiếp đến tham dự có thể gửi phiếu biểu quyết từ xa hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự và biểu quyết. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho bên thứ ba.

2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người đại diện

a) Cổ đông, người đại diện tham dự cuộc họp phải thực hiện thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông bằng cách xuất trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông các giấy tờ sau trước khi vào phòng họp:

- (i) Thư mời họp ĐHĐCĐ bất thường 2024;
- (ii) Giấy tờ pháp lý của cá nhân người dự họp (Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy tờ chứng thực có ảnh hợp pháp khác)
- (iii) Đối với cổ đông tổ chức: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập...);

b) Trường hợp cổ đông thực hiện ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp, yêu cầu xuất trình các tài liệu sau khi thực hiện thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông trước khi vào phòng họp:

- (i) Bản chính Giấy ủy quyền được gửi kèm theo Thông báo mời họp hoặc Văn bản ủy quyền hợp pháp khác có đầy đủ thông tin theo quy định (Trường hợp cổ đông là tổ chức thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu);
- (ii) Giấy tờ pháp lý của cá nhân người dự họp;
- (iii) Đối với người ủy quyền là cổ đông tổ chức bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập...).

c) Sau khi đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện một thẻ biểu quyết. Trên thẻ ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông, người đại diện và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

d) Cổ đông được phép ủy quyền cho cá nhân/tổ chức bằng các hình thức như thư điện tử,... và phải thông báo về việc ủy quyền này cho Ban tổ chức tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày họp ĐHĐCĐ bất thường.

e) Cổ đông/Người đại diện thực hiện quyền biểu quyết về các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông sau khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự họp lệ.

f) Cổ đông/Người đại diện thực hiện quyền biểu quyết về các nội dung thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ sau khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự họp lệ.

g) Cổ đông/Người đại diện có thể tham gia ý kiến về các nội dung báo cáo bằng cách viết câu hỏi vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội. Các câu hỏi đã được trả lời sẽ không được trả lời trùng lặp.

h) Cổ đông/Người đại diện đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH MỜI

Khách mời của Công ty gồm đại diện công ty kiểm toán độc lập, các chức danh quản lý của Công ty và thành viên, đối tác, khách mời (sau đây gọi chung là “Khách mời”) không phải là cổ đông có quyền dự ĐHĐCĐ bất thường nhưng được mời tham dự.

Các khách mời không được phát biểu, trừ khi được Chủ tọa cuộc họp mời phát biểu.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỌA ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG, CHỦ TỌA ĐOÀN

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Điều lệ.

2. Chủ tọa có các quyền và nghĩa vụ tại ĐHĐCĐ bất thường:

a) Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình họp, quy chế đã được ĐHĐCĐ bất thường thông qua;

b) Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp;

c) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ bất thường.

3. Chủ tọa đoàn gồm đại diện Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ban kiểm tra tư cách cổ đông được Ban tổ chức phân công và chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra tư cách cổ đông, đăng ký cổ đông nhằm đảm bảo cổ đông, người đại diện tham dự ĐHĐCĐ bất thường là hợp lệ.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Ban kiểm phiếu được Chủ tọa đề cử và ĐHĐCĐ bất thường biểu quyết thông qua theo hình thức công khai.

2. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm thực hiện kiểm phiếu biểu quyết các nội dung cuộc họp, lập thành biên bản, công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

3. Giải đáp ý kiến thắc mắc, khiếu nại của cổ đông liên quan đến kết quả kiểm phiếu (nếu có).

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ban Thư ký được Chủ tọa đề cử và ĐHĐCĐ bất thường biểu quyết thông qua theo hình thức công khai.

2. Ban Thư ký có trách nhiệm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.

b) Soạn thảo và công bố Biên bản họp đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

c) Tập hợp phiếu ý kiến của cổ đông trình Chủ tọa.

ĐIỀU 10. BIỂU QUYẾT

1. Thẻ biểu quyết

Thẻ biểu quyết các báo cáo, tờ trình được in theo mẫu do Công ty ban hành (“Thẻ biểu quyết”) gồm tất cả các nội dung biểu quyết báo cáo, tờ trình.

Mẫu Thẻ biểu quyết đăng tại website công ty <https://atesco.vn/> và được Ban kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông/người đại diện sau khi kiểm tra việc tham dự là hợp lệ.

Thẻ biểu quyết tại Đại hội bao gồm 02 loại như sau:

1.1 Thẻ biểu quyết (Công khai) dùng để biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đối với các nội dung: Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu Đại hội, Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ bất thường, Quy chế làm việc ĐHĐCĐ bất thường, Biên bản ĐHĐCĐ bất thường, Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường và các nội dung khác theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội.

Thẻ biểu quyết gồm các thông tin chính sau:

- + Họ tên cổ đông/người đại diện;
- + Mã số cổ đông;
- + Tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền (tương ứng 01 cổ phần sẽ có 01 quyền biểu quyết)

1.2 Thẻ biểu quyết (kín) dùng để biểu quyết tại Đại hội đối với các nội dung: các báo cáo, tờ trình được thảo luận trong chương trình Đại hội.

Thẻ biểu quyết gồm các thông tin chính sau:

- + Họ tên cổ đông/người đại diện;
- + Mã số cổ đông;
- + Tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền (tương ứng 01 cổ phần sẽ có 01 quyền biểu quyết)
- + Nội dung biểu quyết;
- + Ý kiến biểu quyết: Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến.

Mỗi cổ đông được phát 01 thẻ biểu quyết (kín) để biểu quyết cho tất cả các nội dung biểu quyết báo cáo, tờ trình.

2. Thẻ biểu quyết từ xa: Trường hợp cổ đông không thể trực tiếp/ủy quyền tham dự có thể gửi Thẻ biểu quyết từ xa theo mẫu đăng tại website Công ty đến Công ty trước 16h ngày 25/11/2024.

Thẻ biểu quyết từ xa có giá trị như cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp đối với các nội dung được biểu quyết hợp lệ. Trường hợp cổ đông đã gửi Thẻ biểu quyết từ xa nhưng vẫn đến dự họp thì Thẻ biểu quyết từ xa đã gửi không còn có hiệu lực.

Thẻ biểu quyết được điền đầy đủ thông tin và niêm phong kín theo các cách thức gửi như sau:

+ **Thư tín:** Cổ đông gửi Thẻ biểu quyết từ xa điền đầy đủ thông tin và niêm phong kín về Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư ATS; địa chỉ: số 11.24 Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 0919012659

+ **Email:** Cổ đông gửi email có tiêu đề “**Thẻ biểu quyết ĐHĐCĐ bất thường 2024 – [Mã số cổ đông] – [Tên cổ đông]**” về địa chỉ email: quanhecodong.ats@gmail.com.

3. Thùng phiếu

Thùng phiếu được niêm phong từ trước thời điểm bỏ phiếu cho đến khi kết thúc thời gian bỏ phiếu và do Ban kiểm phiếu quản lý.

4. Nguyên tắc, phương thức thực hiện biểu quyết

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp của ĐHĐCĐ bất thường đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết (công khai)/ Thẻ biểu quyết (kín) theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

b) Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết công khai tại Đại hội theo sự hướng dẫn của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” đối với các nội dung sau:

- + Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội;
- + Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết của Đại hội;
- + Chương trình làm việc của Đại hội;
- + Nhân sự Chủ tọa đoàn, Ban thư ký đại hội, Ban kiểm phiếu;
- + Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- + Và các nội dung khác theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội;

c) Trừ các nội dung đã nêu tại điểm b khoản 3 Điều 10 Quy chế này, các nội dung khác cần lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội sẽ được cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín bằng thẻ biểu quyết (kín) hoặc bỏ Thẻ biểu quyết từ xa.

d) Cổ đông/Người được ủy quyền chọn một (01) trong ba (03) ý kiến “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” bằng cách đánh dấu (X) hoặc (✓) vào Thẻ biểu quyết.

e) Trước khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết cho cổ đông cách thức biểu quyết theo hình thức này.

f) Cổ đông có thể bỏ phiếu từ xa bằng cách gửi Thẻ biểu quyết từ xa cho Ban tổ chức trước 16h ngày 25/11/2024 (tính theo dấu bưu điện) qua đường bưu điện hoặc email.

5. Phân loại Phiếu biểu quyết

a) Phiếu biểu quyết hợp lệ:

(i) Được đánh dấu (X) hoặc (✓) vào một (01) phương án biểu quyết của mỗi nội dung trên Thẻ biểu quyết do Ban Tổ chức phát ra;

(ii) Thẻ biểu quyết không có tẩy xóa, cạo sửa, rách rời, chấp vá, viết thêm nội dung. Trường hợp Thẻ biểu quyết bị rách rời, Ban tổ chức căn cứ vị trí rách rời để xem xét chấp nhận hoặc không chấp nhận là Phiếu biểu quyết hợp lệ;

(iii) Thẻ biểu quyết từ xa có ghi đầy đủ thông tin cổ đông tại Mục I và có chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của cổ đông; phải đóng dấu đối với cổ đông tổ chức.

b) Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

c) Phiếu trắng: là số phiếu biểu quyết của các Thẻ biểu quyết không được gửi về cho Ban kiểm phiếu; không đánh dấu vào phương án biểu quyết. Phiếu biểu quyết trắng được tổng hợp vào ý kiến biểu quyết là “Không có ý kiến”.

ĐIỀU 11. KIỂM PHIẾU

1. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

2. Thẻ biểu quyết từ xa được kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm tra và thống kê số thẻ biểu quyết trên các Thẻ biểu quyết (kín) và Thẻ biểu quyết từ xa theo tuần tự kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, trong đó ghi rõ: Tổng số cổ phần của Công ty; Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành; Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được mời dự họp đại diện cho số cổ phần của Công ty; Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự đại hội, Tổng số thẻ biểu quyết từ xa; Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông tham gia biểu quyết tại Đại hội (được tính bằng tổng số thẻ biểu quyết kín cộng (+) tổng số thẻ biểu quyết từ xa).

4. Các ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được tổng hợp kết quả riêng. Trong đó, các Thẻ biểu quyết trắng được tổng hợp kết quả vào nhóm “Không có ý kiến”. Tỷ lệ phần trăm của từng ý kiến sẽ được tính trên tổng số quyền biểu quyết phát ra khi đăng ký.

5. Trường hợp có điều chỉnh nội dung trong chương trình họp thì các thẻ biểu quyết từ xa được tổng hợp vào nhóm “Không có ý kiến”.

6. Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo từng nội dung biểu quyết và được tính theo phần trăm (%) làm tròn đến hai (02) số thập phân.

7. Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu lập thành biên bản kiểm phiếu, trong đó ghi rõ: Tổng số cổ phần của Công ty; Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu

hành; Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được mời dự họp đại diện cho số cổ phần của Công ty; Tổng số cổ đông và đại diện tham dự đại hội, đại diện cho số cổ phần được quyền biểu quyết tại đại hội.

ĐIỀU 12. KHIẾU NẠI

Các thắc mắc, khiếu nại (nếu có) sẽ được Ban tổ chức tiếp nhận và chuyển đến Chủ toạ đại hội để giải quyết.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Chủ tịch HĐQT ký ban hành và được áp dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2024 tổ chức vào ngày 26/11/2024 khi được sự chấp thuận của cổ đông/người đại diện có quyền biểu quyết tham dự Đại hội với tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ.

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ bất thường 2024;
- HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN PHÚC THIÊN AN

Số: 14/2024/TTr- HĐQT-ATS

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: điều chỉnh việc Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 19/4/2024;

- *Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS*

Nhằm mục tiêu tái cơ cấu lại hoạt động đầu tư, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng cổ phần tại một số công ty liên kết.

Trong quá trình thực hiện, Công ty đã thực hiện được nhận chuyển nhượng một phần cổ phần Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 19/4/2024. Xét thấy theo kế hoạch kinh doanh của Công ty và kế hoạch lợi nhuận trong năm 2024 thì cần điều chỉnh việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG.

Do đó, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh việc nhận chuyển nhượng cổ phần và thông qua kết quả thực hiện việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy như sau:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần Công cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nắm giữ tại Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG trước giao dịch: **0 Cổ phần**.
- Số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng là: **3.300.000 Cổ phần**, chiếm 16,5% vốn điều lệ Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG.

- Giá chuyển nhượng: 10.000 đồng/Cổ phần
- Tổng giá trị nhận chuyển nhượng: 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng).
- Số lượng cổ phần Công cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nắm giữ tại Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG sau giao dịch là: **3.300.000 Cổ phần**, chiếm 16,5% vốn điều lệ.

HĐQT đề xuất Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT phê chuẩn và quyết định:

- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT là người đại diện vốn của Công cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS tại Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận :

CHỦ TỊCH

- ĐHĐCĐ bất thường năm 2024;
- HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu VT.



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN

Số: 15/2024/TTr- HĐQT-ATS

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: điều chỉnh mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS;
 - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 19/4/2024;
 - Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.
 - Căn cứ báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán;
 - Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS
- Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh của Công ty và kế hoạch lợi nhuận trong năm 2024. Mức thù lao cho Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) năm 2024 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19/4/2024 như sau:

- Mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024**
 - Mức thù lao của Hội đồng quản trị năm 2024.**
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị là: 3.000.000 VNĐ/tháng
 - Thành viên Hội đồng quản trị là: 2.000.000 VNĐ/tháng
 - Mức thù lao của Ban kiểm soát năm 2024:**
 - Trưởng Ban kiểm soát là: 2.000.000 VNĐ/tháng
 - Thành viên Ban kiểm soát là: 1.000.000 VNĐ/tháng
 - Mức thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị**
 - Năm 2023: Do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt so với kế hoạch thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên nên HĐQT thống nhất không đề xuất thưởng.
 - Năm 2024: Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT khi thực hiện vượt các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2024 là 20% trên số lợi nhuận vượt so với kế hoạch đã đề ra.
- Tuy nhiên, HĐQT, BKS nhận thấy, nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm của HĐQT và BKS cũng như đóng góp thêm vào sự phát triển của Công ty. HĐQT, BKS đã thống nhất nội dung: không nhận thù lao và thưởng vượt kế hoạch trong năm 2024; không nhận bất cứ khoản tiền thưởng từ Quỹ khen thưởng và phúc lợi của Công ty;



không nhận bất kỳ khoản lợi ích nào khác liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ của HĐQT, BKS trong năm 2024.

Theo đó, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 : **không**
2. Mức thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị năm 2024: **không**
3. Các khoản tiền thưởng từ Quỹ khen thưởng và phúc lợi; các khoản lợi ích liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, BKS cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024: **không**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ bất thường năm 2024;
- HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu VT.



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN

Số: 16/2024/TTr- HĐQT-ATS

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Công ty
Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.
- Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

Qua rà soát ngành nghề kinh doanh, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh phạm vi hoạt động của ngành nghề kinh doanh Công ty như sau:

- I. Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty
1. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

| STT | Mã ngành | Ngành, nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh trước khi điều chỉnh | Ngành, nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sau khi điều chỉnh |
|-----|----------|--|--|
| 1 | 4312 | Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng) | Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng. |
| 2 | 4773 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh (47735) | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh |
| 3 | 4633 | Bán buôn đồ uống - Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn | Bán buôn đồ uống |
| 4 | 5210 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa |

| | | | |
|---|------|---|--|
| | | (Loại trừ quản lý, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia) | |
| 5 | 7020 | Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài, dịch vụ hỗ trợ tư pháp) | Hoạt động tư vấn quản lý |
| 6 | 5610 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác. |
| 7 | 5510 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke, kinh doanh dịch vụ lữ hành, trừ dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách quốc tế đến VN) | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày |
| 8 | 4610 | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài, không phân phối hàng hóa mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định của pháp luật hiện hành) | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; Đấu giá hàng hóa. |
| 9 | 4299 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác |

| | | | |
|--|--|--------------------------------|--|
| | | Chi tiết: Vận tải bằng xe buýt | |
|--|--|--------------------------------|--|

2. Bổ ngành, nghề kinh doanh

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Khai thác và thu gom than cứng | 0510 |
| 2 | Khai thác và thu gom than non | 0520 |
| 3 | Xây dựng công trình công ích khác | 4229 |
| 4 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe | 5229 |

3. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 1 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 2 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan | 7110 |
| 3 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu | 6619 |
| 4 | Quảng cáo | 7310 |
| 5 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất | 6820 |
| 6 | Xây dựng nhà ở | 4101 |
| 7 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659 |
| 8 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620 |

II. Sửa đổi điều lệ công ty

Sửa đổi khoản 1 Điều 4 về ngành, nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ Công ty phản ánh việc sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh tại mục I nêu trên.

III. Thực hiện

Thông qua việc giao/ ủy quyền cho HĐQT thống nhất, triển khai các công việc liên quan đến thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau:

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc điều chỉnh nội dung chi tiết trong phạm vi các mã ngành, nghề đã được ĐHCĐ thông qua tại tờ trình này;
- Thực hiện xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và tiến hành thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật.

- Thực hiện các công việc khác liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ bất thường năm 2024;
- HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu VT.



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN

Số: 17/2024/TTr- HĐQT-ATS

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua việc điều chỉnh Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS;
- Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS.

Nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật mới hiện hành, đặc biệt là các quy định về quản trị công ty, nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của cổ đông lớn, của người nội bộ,...; đảm bảo lợi ích Công ty, đảm bảo sự thống nhất khi Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS được điều chỉnh. Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS.

Một số nội dung điều chỉnh chính như sau:

| Stt | Nội dung Điều lệ hiện hành | Điều lệ điều chỉnh | Giải thích |
|-----|--|---|--|
| 1 | <p>Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HĐQT”) hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.</p> | <p>Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ việc trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty.</p> <p>b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân, tổ chức khác.</p> <p>c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà người đại diện</p> | <p>Điều lệ mới khẳng định Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>Quy định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Đồng thời, Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại của Công ty do vi phạm trách nhiệm.</p> |

| | | | |
|---|---|--|---|
| | | theo pháp luật, người có liên quan của người đại diện theo pháp luật là người nội bộ của doanh nghiệp đó hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật. 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại của Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này. | |
| 2 | <p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> | Bãi bỏ | Số lượng cổ đông của Công ty hiện nay là rất lớn và cổ phiếu đã được niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán nên được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và việc cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với cổ phần và loại cổ phần sở hữu không còn phù hợp và gia tăng chi phí doanh nghiệp. |
| 3 | <p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự và phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> | <p>Điều 10. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> | <p>Bổ sung quy định về quyền của cổ đông tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.</p> <p>Sau Đại dịch COVID – 19 đã thách thức các doanh nghiệp cần đẩy mạnh hơn nữa áp dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động điều hành, quản lý Công ty phù hợp tình hình thực tế. Vì</p> |

| | | |
|--|--|---|
| <p>...</p> <p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ;</p> | <p>a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc thực hiện quyền biểu quyết thông hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> <p>4. Việc đề cử, ứng cử ứng viên đề bầu vào Hội đồng quản trị của Cổ đông và nhóm Cổ đông được quy định tại khoản 4 phải tuân theo nguyên tắc sau:</p> <p>a. Số lượng ứng viên tối đa mà Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại khoản 4 Điều này có thể đề cử, ứng cử:</p> <p>(i) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị;</p> <p>(ii) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị;</p> | <p>vậy, cần bổ sung các hình thức thực hiện quyền của cổ đông Công ty.</p> <p>Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được Công ty thực hiện công bố thông tin tại Website của Công ty, đồng thời gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để thực hiện công bố theo quy định. Vì vậy, việc bãi bỏ quy định này không ảnh hưởng quyền lợi của cổ đông.</p> <p>Bổ sung việc đề cử, ứng cử viên bầu vào HĐQT đảm bảo quyền lợi ích của cổ đông và nhóm cổ đông lớn.</p> |
|--|--|---|

| | | |
|--|--|---|
| | <p>nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;</p> <p>d) ...</p> <p>g) Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân triệu tập trái Điều lệ và quy định pháp luật.</p> <p>h) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>2. Nghĩa vụ công bố thông tin của Cổ đông lớn:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn.</p> <p>b) Báo cáo về sở hữu của Cổ đông lớn phải thực hiện theo mẫu theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng một phần trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong</p> | Cổ phiếu Công ty được niêm yết nên cần bổ sung các quy định liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn. |
|--|--|---|

| | | | |
|---|---|---|--|
| | | <p>thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết. Báo cáo được thực hiện theo mẫu theo quy định của Pháp Luật.</p> <p>d) Quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c trên đây cũng áp dụng đối với người có liên quan của Cổ đông lớn sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p> <p>e) Các Quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d trên đây không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.</p> | |
| 5 | <p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> | <p>Hợp nhất quyền và nghĩa vụ của Đại hội cổ đông tại Điều lệ ngày 19/4/2024.</p> <p>Liệt kê cụ thể các giao dịch được chấp thuận và bổ sung quy định cổ đông không có quyền tham gia biểu quyết trong trường hợp phát sinh các giao dịch mà Cổ đông hoặc người có</p> |

| | | |
|--|--|--|
| | <p>k. Thông qua ngành, nghề kinh doanh của Công ty;</p> <p>l. Quyết định thay đổi vốn điều lệ của Công ty bao gồm cả việc giảm vốn điều lệ;</p> <p>m. ...</p> <p>t. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>u.</p> <p>v. Chấp thuận các giao dịch sau:</p> <p>(i) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành không phải là Cổ đông và người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>(ii) Giao dịch có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty và các đối tượng sau:</p> | <p>liên quan đến Cổ đông có quyền và lợi ích liên quan nhằm tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan.</p> |
|--|--|--|

| | | |
|--|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> • Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và người có liên quan của các đối tượng này; • Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; • Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp <p>(iii) Hợp đồng/giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi mốt (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.</p> <p>2. Cổ Đông không có quyền tham gia biểu quyết trong trường hợp phát sinh các giao dịch mà Cổ đông hoặc người có liên quan đến Cổ đông có quyền và lợi ích liên quan, cụ thể như sau:</p> <p>a) Các hợp đồng/giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này nếu Cổ đông đó hoặc người</p> |
|--|--|---|

| | | | |
|---|--|---|--|
| | | <p>có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng/giao dịch; hoặc</p> <p>b) Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> | |
| 6 | <p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. ... Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền.</p> <p>a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của</p> | <p>Bổ sung thêm trường hợp cổ đông ủy quyền cho nhiều người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Xác định rõ các trường hợp đảm bảo hiệu lực của văn bản ủy quyền để tránh phát sinh các tranh chấp khi thực hiện ủy quyền.</p> |

| | | |
|--|--|--|
| | | <p>Cổ đông và chữ ký của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức và chữ ký của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp bản gốc văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3.</p> <p>4. Mọi hạn chế không thuộc phạm vi văn bản ủy quyền của Cổ đông đối với người được ủy quyền dự họp trong việc thực hiện các quyền của Cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ</p> |
|--|--|--|

| | | | |
|---|---|--|--|
| | | đồng đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba. | |
| 7 | Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông | <p>Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 10 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề kiến nghị thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Không phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>(ii) Không phù hợp với đạo đức kinh doanh;</p> | Bổ sung thêm các trường hợp từ chối kiến nghị của cổ đông đảm bảo cho cuộc họp được thật sự có hiệu quả. |

| | | | |
|---|--|---|--|
| | | <p>(iii) Không nghiêm túc; (iv) Không thật sự vì sự phát triển công ty.</p> | |
| 8 | <p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> | <p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. 2. ... 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên.</p> | <p>Quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp. Quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</p> |

| | | | |
|---|---|--|---|
| | | <p>b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên.</p> <p>c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p> <p>.....</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác.</p> <p>8. Trình tự, thủ tục bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị của Công ty.</p> | |
| 9 | <p>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> | <p>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ</p> | <p>Nhằm mục đích ngăn ngừa xung đột lợi ích và tối đa hóa lợi ích giá trị cổ đông, cần quy định cụ thể các tình huống để ngăn chặn người có chức vụ, quyền hạn hoặc người thân thích của họ tác động hoặc sẽ tác động không đúng đến việc thực hiện nhiệm vụ.</p> |

| | | |
|--|---|--|
| | <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích Công ty.</p> <p>3.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>....</p> | <p>của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty. Trường hợp bắt buộc phải thực hiện công việc nhân danh cá nhân thì phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p> <p>4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên Hội đồng quản</p> |
|--|---|--|

| | | |
|--|--|---|
| | | <p>trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, một Giám đốc điều hành hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p> <p>.....</p> |
|--|--|---|

Các nội dung điều chỉnh chính trên và các nội dung điều chỉnh còn lại đã được Công ty tổng hợp toàn bộ nội dung điều chỉnh và đăng tải trên website của Công ty tại đường dẫn: <https://atesco.vn/>

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua phê duyệt nội dung Điều lệ Công ty theo quy định pháp luật; Thông qua việc giao/ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành Điều lệ Công ty năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ bất thường năm 2024;
- HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu VT.



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN



Số: 18/2024/TTr- HĐQT-ATS

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và Điều lệ Công ty
Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS ngày 19/4/2024;
- Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua việc thay đổi trụ sở chính Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19/4/2024.

Thực hiện việc thay đổi trụ sở chính, Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) đã nộp hồ sơ thay đổi trụ sở lên Sở Kế hoạch đầu tư TP Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, hồ sơ cần điều chỉnh chi tiết địa chỉ trụ sở để phù hợp quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các tài liệu pháp lý có liên quan Công ty như sau:

1. Chấp thuận thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty CP Tập đoàn đầu tư ATS

- Địa chỉ trụ sở chính hiện hành: Thôn Phù Long Ba, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính đề nghị thay đổi: Số 11.24, tầng 11, Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong trường hợp việc đàm phán để thuê, mượn địa điểm trên không thành công, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại một địa điểm khác phù hợp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp thuận việc sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Công ty.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Hội đồng quản trị chủ động quyết định thời gian triển khai công việc liên quan để hoàn thành việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về việc thay đổi trụ sở hoạt động của Công ty;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các thủ tục có liên quan khác với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất việc thay đổi trụ sở chính;
- Sửa đổi các điều khoản liên quan đến thông tin trụ sở chính trong Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất thủ tục thay đổi địa điểm trụ sở chính;
- Thực hiện thông báo đến đối tác hợp tác, ngân hàng, khách hàng, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thay đổi tại trụ sở Công ty;
- Thực hiện các công việc cần thiết có liên quan khác theo quy định

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ bất thường năm 2024;
- HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN PHÚC THIÊN AN

Số: 19/2024/TTr- HĐQT-ATS

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS ngày 19/4/2024;
- Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp để sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các tài liệu pháp lý có liên quan Công ty như sau:

1. Chấp thuận thông qua việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty CP Tập đoàn đầu tư ATS

- Thay đổi số điện thoại:

Số điện thoại hiện hành: 02473059886

Số điện thoại mới đề nghị thay đổi: 0919012659

- Thay đổi email:

Email hiện hành: atescovn@gmail.com

Email mới đề nghị thay đổi: quanhecodong.ats@gmail.com

2. Chấp thuận việc sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan đến việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Hội đồng quản trị chủ động quyết định thời gian triển khai công việc liên quan để hoàn thành việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các thủ tục có liên quan khác với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;
- Sửa đổi các điều khoản liên quan đến thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất thủ tục thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;
- Thực hiện thông báo đến đối tác hợp tác, ngân hàng, khách hàng, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;
- Thực hiện các công việc cần thiết có liên quan khác theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ bất thường năm 2024;
- HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN PHÚC THIÊN ÂN

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ATS

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2024/BBH-ĐHĐCĐ-ATS

====***=====

DỰ THẢO

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Trụ sở chính: Thôn Phù Long Ba, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 02 tháng 05 năm 2024.

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM HỌP, THÀNH PHẦN THAM DỰ:

Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 26/11/2024 tại Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS (Sau đây gọi tắt là “Công ty”)

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Đại hội có sự góp mặt củacổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền, đại diện chocổ phần chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị công ty và Ban kiểm soát Công ty, đại diện Công ty kiểm toán, tư vấn đã có mặt đông đủ tại đại hội:

• Thành viên HĐQT Công ty

1. Ông Trần Phúc Thiên Ân - Chủ tịch HĐQT (Thành viên không điều hành)
2. Bà Trần Thị Thúy Hằng - Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)
3. Ông Nguyễn Trương Quốc Cường - Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập)

• Ban kiểm soát Công ty

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1. Bà Lâm Thị Thanh Huệ | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2. Bà Trần Thị Diệp | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3. Bà Đào Thị Ngọc Bích | Thành viên Ban kiểm soát |

• Tổ chức kiểm toán độc lập

III. CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

1. Kiểm tra tư cách đại biểu:

Thay mặt Ban kiểm tra tư cách đại biểu, bà Nguyễn Thị Kiến Trúc báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội như sau:

Tính đến ... giờ ... phút ngày 26/11/2024 cócổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền, đại diện sở hữu cho cổ phần, chiếm tỷ lệ vốn điều lệ Công ty.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

2. Quy chế làm việc, chương trình làm việc:

- Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế làm việc với tỷ lệ ...% phiếu biểu quyết tán thành.

- Chương trình làm việc gồm:

1) Tờ trình thông qua điều chỉnh việc Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG;

2) Tờ trình thông qua việc điều chỉnh mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT, BKS năm 2024;

3) Tờ trình thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và điều lệ Công ty;

4) Tờ trình thông qua việc điều chỉnh dự thảo Điều lệ Công ty;

5) Tờ trình thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và Điều lệ Công ty;

6) Tờ trình thông qua việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

7) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình làm việc với tỷ lệ ...% phiếu biểu quyết tán thành.

3. Chủ tọa đoàn và Thư ký đại hội:

Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ% tán thành thông qua danh sách Chủ tọa đoàn để điều hành Đại hội gồm các nhân sự sau:

- | | |
|----------------------------|----------------|
| 1. Ông Trần Phúc Thiên Ân | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Bà Nguyễn Thị Kiến Trúc | Tổng Giám Đốc |
| 3. Bà Châu Thị Sương Mai | Kế toán trưởng |

Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ% biểu quyết tán thành thông qua Thư ký Đại hội là bà Nguyễn Minh Hiền.

Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ% biểu quyết tán thành thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội là bà Lâm Thị Thanh Huệ.

IV. NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

1. Trình bày các tờ trình:

a) Tờ trình thông qua điều chỉnh việc Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG;

b) Tờ trình thông qua việc điều chỉnh mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT, BKS năm 2024;

c) Tờ trình thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và điều lệ Công ty;

d) Tờ trình thông qua việc điều chỉnh dự thảo Điều lệ Công ty;

e) Tờ trình thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và Điều lệ Công ty;

f) Tờ trình thông qua việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ghi nhận ý kiến thảo luận của các Cổ đông tại Đại hội:

Đại hội đã lắng nghe, tiếp thu và giải trình ý kiến quý báu của Quý cổ đông đóng góp tại Đại hội. Sau đây là tóm tắt các nội dung thảo luận:

| STT | Ý kiến cổ đông | Đoàn chủ tọa trả lời |
|-----|----------------|-------------------------------------|
| 1. | Cổ đông: | Trần Phúc Thiên Ân – Chủ tịch HĐQT: |
| 2. | Cổ đông: | Trần Phúc Thiên Ân – Chủ tịch HĐQT: |
| 3. | Cổ đông: | Trần Phúc Thiên Ân – Chủ tịch HĐQT: |

3. Kết quả biểu quyết các báo cáo, tờ trình

Sau khi đã nghe trình bày, thảo luận, đóng góp tiếp thu ý kiến, Đại hội tiến hành biểu quyết các vấn đề với kết quả như sau:

Bà Lâm Thị Thanh Huệ thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết thông qua 7 vấn đề đã được Đoàn chủ tọa trình bày và cổ đông thảo luận, biểu quyết. Kết quả biểu quyết được xác định căn cứ theo Biên bản kiểm phiếu biểu quyết nội dung các báo cáo và tờ trình. Cụ thể như sau:

| Stt | Vấn đề biểu quyết | Không hợp lệ | | Tán thành | | Không tán thành | | Không ý kiến | |
|-----|--|--------------|-----------|-----------|-----------|-----------------|-----------|--------------|-----------|
| | | Số phiếu | Tỷ lệ (%) | Số phiếu | Tỷ lệ (%) | Số phiếu | Tỷ lệ (%) | Số phiếu | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Tờ trình thông qua điều chỉnh việc Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG | | | | | | | | |
| 2 | Tờ trình thông qua việc điều chỉnh mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT, BKS năm 2024 | | | | | | | | |
| 3 | Tờ trình thông qua việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và điều lệ Công ty | | | | | | | | |
| 4 | Tờ trình thông qua việc điều chỉnh Điều lệ Công ty | | | | | | | | |
| 5 | Tờ trình thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở chính và Điều lệ Công ty | | | | | | | | |
| 6 | Tờ trình thông qua việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty | | | | | | | | |
| 7 | Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông | | | | | | | | |

V. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Nguyễn Minh Hiền đã đọc toàn văn Nghị quyết đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết đại hội với tỷ lệ% phiếu biểu quyết tán thành.

Biên bản họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư ATS được lập lúc giờ phút ngày 26/11/2024.

THƯ KÝ

**TM. CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN MINH HIỀN

TRẦN PHÚC THIÊN ÂN

Số:/2024/NQ-ĐHĐCĐ-ATS

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 ngày .../.../2024;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 ngày 26/11/2024;
- Căn cứ Tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 ngày 26/11/2024;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS;

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798, trụ sở chính tại Thôn Phù Long Ba, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được tổ chức vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có sự tham dự trực tiếp, cổ đông biểu quyết từ xa và cổ đông thông qua ủy quyền của cổ đông, đại diện cổ phần, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ vào Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Tờ trình điều chỉnh việc Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy tại Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh việc nhận chuyển nhượng cổ phần và thông qua kết quả thực hiện việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Đầu Tư - Quản Lý Bất Động Sản CPG của bà Nguyễn Thị Thanh Thúy như sau:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần Công cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nắm giữ tại Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG trước giao dịch: **0 Cổ phần**.
- Số lượng cổ phần nhận chuyển nhượng là: **3.300.000 Cổ phần**, chiếm 16,5% vốn điều lệ Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG.
- Giá chuyển nhượng: 10.000 đồng/Cổ phần
- Tổng giá trị nhận chuyển nhượng: 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng).
- Số lượng cổ phần Công cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nắm giữ tại Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG sau giao dịch là: **3.300.000 Cổ phần**, chiếm 16,5% vốn điều lệ.

Đại hội đồng cổ đông giao/ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT là người đại diện vốn của Công cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS tại Công ty cổ phần đầu tư - Quản lý bất động sản CPG.

Số phiếu tán thành:..... phiếu, tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 2. Thông qua Tờ trình điều chỉnh mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT, BKS năm 2024

Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 : không
2. Mức thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị năm 2024: không
3. Các khoản tiền thưởng từ Quỹ khen thưởng và phúc lợi; các khoản lợi ích liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, BKS cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024: không

Số phiếu tán thành:..... phiếu, tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 3. Thông qua Tờ trình việc điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh và điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh phạm vi hoạt động của ngành nghề kinh doanh Công ty. (Chi tiết tại Tờ trình).

Đại hội đồng cổ đông giao/ ủy quyền cho HĐQT thống nhất, triển khai các công việc liên quan đến thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau:

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại Cơ

quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc điều chỉnh nội dung chi tiết trong phạm vi các mã ngành, nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua tại tờ trình này;

- Thực hiện xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và tiến hành thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật.

- Sửa đổi các điều khoản liên quan đến thông tin ngành nghề kinh doanh trong Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất thủ tục thay đổi ngành nghề kinh doanh;

Thực hiện các công việc khác liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Số phiếu tán thành:..... phiếu, tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 4. Thông qua Tờ trình về việc điều chỉnh Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS như sau:

1. Xem xét, thông qua nội dung điều chỉnh Điều lệ Công ty theo quy định pháp luật.

2. Thông qua việc giao/ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành Điều lệ Công ty năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Số phiếu tán thành:..... phiếu, tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 5: Thông qua Tờ trình thay đổi địa chỉ trụ sở chính và Điều lệ Công ty

1. Chấp thuận thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty CP Tập đoàn đầu tư ATS

- Địa chỉ trụ sở chính hiện hành: Thôn Phù Long Ba, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Địa chỉ trụ sở chính đề nghị thay đổi: Số 11.24, tầng 11, Tòa nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong trường hợp việc đàm phán để thuê, mượn địa điểm trên không thành công, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại một địa điểm khác phù hợp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp thuận việc sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Công ty.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Hội đồng quản trị chủ động quyết định thời gian triển khai công việc liên quan để hoàn thành việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về việc thay đổi trụ sở hoạt động của Công ty;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các thủ tục có liên quan khác với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất việc thay đổi trụ sở chính;
- Sửa đổi các điều khoản liên quan đến thông tin trụ sở chính trong Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất thủ tục thay đổi địa điểm trụ sở chính;
- Thực hiện thông báo đến đối tác hợp tác, ngân hàng, khách hàng, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thay đổi tại trụ sở Công ty;
- Thực hiện các công việc cần thiết có liên quan khác theo quy định.

Số phiếu tán thành:..... phiếu, tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 6: Thông qua Tờ trình thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

1. Chấp thuận thông qua việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS

- Thay đổi số điện thoại:

Số điện thoại hiện hành: 02473059886

Số điện thoại mới đề nghị thay đổi: 0919012659

- Thay đổi email:

Email hiện hành: atescovn@gmail.com

Email mới đề nghị thay đổi: quanhecodong.ats@gmail.com

2. Chấp thuận việc sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Hội đồng quản trị chủ động quyết định thời gian triển khai công việc liên quan để hoàn thành việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết để đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
 - Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các thủ tục có liên quan khác với các cơ quan chức năng sau khi hoàn tất việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;
 - Sửa đổi các điều khoản liên quan đến thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất thủ tục thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;
 - Thực hiện thông báo đến đối tác hợp tác, ngân hàng, khách hàng, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;
 - Thực hiện các công việc cần thiết có liên quan khác theo quy định.
- Số phiếu tán thành:..... phiếu, tỷ lệ biểu quyết tán thành%

Điều 7: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư ATS thông qua toàn văn tại cuộc họp, và có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

TRẦN PHÚC THIÊN ÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Hà Nội, tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 5 |
| CHƯƠNG I | 5 |
| ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ | 5 |
| ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ | 5 |
| CHƯƠNG II | 6 |
| TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 6 |
| ĐIỀU 2. TÊN DOANH NGHIỆP, TRỤ SỞ CHÍNH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG ... | 6 |
| ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | 6 |
| CHƯƠNG III | 7 |
| MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 7 |
| ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 7 |
| ĐIỀU 5. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG | 9 |
| CHƯƠNG IV | 9 |
| VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | 9 |
| ĐIỀU 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | 9 |
| ĐIỀU 7. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU | 10 |
| ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN | 11 |
| CHƯƠNG V | 11 |
| CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT | 11 |
| ĐIỀU 9. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT | 11 |
| CHƯƠNG VI | 11 |
| CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 11 |
| ĐIỀU 10. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG | 11 |
| ĐIỀU 11. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG | 13 |
| ĐIỀU 12. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 15 |
| ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 17 |
| ĐIỀU 14. UỶ QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 18 |
| ĐIỀU 15. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN | 19 |
| ĐIỀU 16. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 20 |
| ĐIỀU 17. CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 22 |

| | |
|--|----|
| ĐIỀU 18. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 22 |
| ĐIỀU 19. ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA | 24 |
| ĐIỀU 20. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 25 |
| ĐIỀU 21. BIÊN BẢN HỌP, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 27 |
| ĐIỀU 22. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 28 |
| CHƯƠNG VII | 28 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 28 |
| ĐIỀU 23. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 28 |
| ĐIỀU 24. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 29 |
| ĐIỀU 25. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 30 |
| ĐIỀU 26. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 31 |
| ĐIỀU 27. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 32 |
| ĐIỀU 28. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 33 |
| ĐIỀU 29. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 35 |
| ĐIỀU 30. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY | 35 |
| CHƯƠNG VIII | 36 |
| TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | 36 |
| ĐIỀU 31. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ | 36 |
| ĐIỀU 32. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY | 36 |
| ĐIỀU 33. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC | 36 |
| CHƯƠNG IX | 38 |
| BAN KIỂM SOÁT | 38 |
| ĐIỀU 34. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN | 38 |
| ĐIỀU 35. THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT | 38 |
| ĐIỀU 36. TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT | 38 |
| ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT | 39 |
| ĐIỀU 38. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT | 40 |
| ĐIỀU 39. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT | 40 |

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG X..... | 40 |
| TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | 40 |
| ĐIỀU 40. TRÁCH NHIỆM CẦN TRỌNG | 40 |
| ĐIỀU 41. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI | 41 |
| ĐIỀU 42. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG | 42 |
| CHƯƠNG XI | 43 |
| QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY | 43 |
| ĐIỀU 43. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ | 43 |
| CHƯƠNG XII | 43 |
| CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN..... | 43 |
| ĐIỀU 44. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN..... | 43 |
| CHƯƠNG XIII..... | 44 |
| PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN | 44 |
| ĐIỀU 45. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... | 44 |
| CHƯƠNG XIV | 45 |
| TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN..... | 45 |
| ĐIỀU 46. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG..... | 45 |
| ĐIỀU 47. NĂM TÀI CHÍNH | 45 |
| ĐIỀU 48. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN..... | 45 |
| CHƯƠNG XV | 45 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN | 45 |
| ĐIỀU 49. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, BÁN NIÊN VÀ QUÝ..... | 45 |
| ĐIỀU 50. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 46 |
| ĐIỀU 51. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ CÔNG BỐ RA CÔNG CHÚNG | 46 |
| CHƯƠNG XVI | 46 |
| KIỂM TOÁN CÔNG TY | 46 |
| ĐIỀU 52. KIỂM TOÁN..... | 46 |
| CHƯƠNG XVII | 46 |
| DẤU CỦA DOANH NGHIỆP..... | 46 |
| ĐIỀU 53. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP..... | 46 |

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG XVIII..... | 47 |
| GIẢI THỂ CÔNG TY | 47 |
| ĐIỀU 54. GIẢI THỂ CÔNG TY | 47 |
| ĐIỀU 55. THANH LÝ..... | 47 |
| CHƯƠNG XIX | 48 |
| GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ..... | 48 |
| ĐIỀU 56. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ..... | 48 |
| CHƯƠNG XX..... | 48 |
| BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ..... | 48 |
| ĐIỀU 57. ĐIỀU LỆ CÔNG TY | 48 |
| CHƯƠNG XXI | 49 |
| NGÀY HIỆU LỰC | 49 |
| ĐIỀU 58. NGÀY HIỆU LỰC..... | 49 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, bao gồm những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số .../NQ-DHĐCD ngày tháng năm 2024 (sau đây được gọi là “Điều Lệ”).

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” được quy định trong Điều lệ này là: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS; Tên Công ty viết bằng tiếng anh là: ATS INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY; được viết tắt là ATSV.,JSC.
 - b. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
 - c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
 - d. “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
 - e. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - f. “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các vị trí quản lý khác của Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn theo đề nghị của Tổng giám đốc;
 - g. “Người có liên quan” là các cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - h. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một phần cổ phần của Công ty Cổ phần;
 - i. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

k. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2. TÊN DOANH NGHIỆP, TRỤ SỞ CHÍNH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Tên Công ty

– Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS**

– Tên tiếng Anh: **ATS INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY.**

– Tên viết tắt: **ATSV.,JSC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

– Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

– Điện thoại: (84-24). 73059886

– E-mail: atescovn@gmail.com

– Website: <https://atesco.vn/>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ việc trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty.

b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân, tổ chức khác.

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà người đại diện theo pháp luật, người có liên quan của người đại diện theo pháp luật là người nội bộ của doanh nghiệp đó hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại của Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 1 | Khai thác và thu gom than cứng | 0510 |
| 2 | Khai thác và thu gom than non | 0520 |
| 3 | Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng. | 4312 |
| 4 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh - Chi tiết: Bán lẻ than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
| 5 | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn | 1075 |
| 6 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 7 | Bán buôn đồ uống - Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn | 4633 |

| | | |
|----|---|-----------------|
| 8 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 9 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Loại trừ quản lý, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng hóa thuộc danh mục sự trừ quốc gia) | 5210 |
| 10 | Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài, dịch vụ hỗ trợ tư pháp) | 7020 |
| 11 | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |
| 12 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); | 5610 |
| 13 | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài, không phân phối hàng hóa mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định của pháp luật hiện hành) | 4610 |
| 14 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) | 6810 (chính) |
| 15 | Xây dựng nhà không để ở | 4102 |
| 16 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe | |
| 17 | Xây dựng công trình đường bộ | 4212 |
| 18 | Dịch vụ ăn uống khác - Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; Hoạt động nhượng quyền | 5629 |

| | | |
|----|---|------|
| | cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căn tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căn tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. Trừ cung cấp suất ăn hàng không | |
| 19 | Dịch vụ phục vụ đồ uống | 5630 |
| 20 | Xây dựng công trình công ích khác | 4229 |
| 21 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Vận tải bằng xe buýt | 4299 |
| 22 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển | 7730 |
| 23 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Trừ cung cấp suất ăn hàng không) | 5621 |

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là phát triển kinh doanh theo hướng đa lĩnh vực, đa ngành nghề, phù hợp với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế trong nước và quốc tế.

ĐIỀU 5. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) cổ phần với mệnh giá là: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)/cổ phần).

2. Công ty có thể điều chỉnh vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới thì cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một (21) ngày hoặc thời hạn khác theo quy định của Pháp Luật), để Cổ Đông đặt mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp Luật. Trong trường hợp này, chứng chỉ trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 7. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành và các nội dung liên quan khác nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

3. Trường hợp công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 9. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 10. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc thực hiện quyền biểu quyết thông hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành cho người khác; trừ trường hợp quy định tại khoản 3

Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính Cổ đông đó trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông của Công ty và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

h. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;

i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước

ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

5. Việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị của Cổ đông và nhóm Cổ đông được quy định tại khoản 4 phải tuân theo nguyên tắc sau:

a. Số lượng ứng viên tối đa mà Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại khoản 4 Điều này có thể đề cử, ứng cử:

(i) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị;

(ii) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị;

(iii) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này chỉ được thực hiện quyền ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị một lần duy nhất trong suốt nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, để tránh mọi hiểu nhầm, trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đã đề cử ứng viên được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm đó vẫn được quyền tiếp tục ứng cử, đề cử ứng viên khác để bầu vào Hội đồng quản trị để bổ sung cho vị trí bị khuyết này.

ĐIỀU 11. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- a. Tuân thủ Điều lệ này và các Quy chế của Công ty; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị;
- b. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
- c. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- d. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán, sao hoặc các hình thức khác để gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- e. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử;
 - (v) Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- (i) Vi phạm pháp luật;
 - (ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - (iii) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;
- g. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân triệu tập trái Điều lệ và quy định pháp luật.
- h. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 - i. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Nghĩa vụ công bố thông tin của Cổ đông lớn:

a. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là Cổ đông lớn.

b. Báo cáo về sở hữu của Cổ đông lớn phải thực hiện theo mẫu theo quy định của pháp luật.

c. Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng một phần trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết. Báo cáo được thực hiện theo mẫu theo quy định của Pháp Luật.

d. Quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c trên đây cũng áp dụng đối với người có liên quan của Cổ đông lớn sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

e. Các Quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d trên đây không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

ĐIỀU 12. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp.

e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - b. Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - c. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - d. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, thông qua báo cáo kiểm toán nội bộ;
 - e. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - k. Thông qua ngành, nghề kinh doanh của Công ty;
 - l. Quyết định thay đổi vốn điều lệ của Công ty bao gồm cả việc giảm vốn điều lệ;
 - m. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty;
 - q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - r. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - s. Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - t. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

u. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

v. Chấp thuận các giao dịch sau:

(i) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành không phải là Cổ đông và người có liên quan của các đối tượng này;

(ii) Giao dịch có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty và các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp

(iii) Hợp đồng/giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.

w. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị

x. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

2. Cổ Đông không có quyền tham gia biểu quyết trong trường hợp phát sinh các giao dịch mà Cổ đông hoặc người có liên quan đến Cổ đông có quyền và lợi ích liên quan, cụ thể như sau:

a. Các hợp đồng/giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này nếu Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng/giao dịch; hoặc

b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khốp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 14. UỶ QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền.

a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông và chữ ký của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức và chữ ký của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp bản gốc văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Mọi hạn chế không thuộc phạm vi văn bản ủy quyền của Cổ đông đối với người được ủy quyền dự họp trong việc thực hiện các quyền của Cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

ĐIỀU 15. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên

tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, 18 và 19 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 16. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu Đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, và/hoặc bằng các phương thức khác để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Đồng thời, thông báo mời họp được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - e. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3, 4 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 10 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Vấn đề kiến nghị thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (i) Không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (ii) Không phù hợp với đạo đức kinh doanh;
 - (iii) Không nghiêm túc;
 - (iv) Không thật sự vì sự phát triển công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 17. CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

ĐIỀU 18. THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc thành viên Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền

tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số: 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

ĐIỀU 19. ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp (trong trường hợp dự họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác.

e. Tổ chức lại hay giải thể Công ty;

f. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và được công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

ĐIỀU 20. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chính sau:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, và mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu và báo cáo UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 21. BIÊN BẢN HỌP, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải

được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 22. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 23. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ công ty.

ĐIỀU 24. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên.

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên.

c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

7. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác.

8. Trình tự, thủ tục bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị của Công ty.

ĐIỀU 25. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

ĐIỀU 26. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức

thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, quyền mua cổ phần hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 27. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 28. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác mà Chủ tịch Hội đồng quản trị cho rằng cần thiết vì lợi ích của Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và

quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 29. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có ít nhất là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

ĐIỀU 30. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 4. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 31. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 32. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

- 1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý khác.
- 2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- 3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- 4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 33. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, ... tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm thù lao, tiền lương và lợi ích khác;

j. Trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư và các dự toán trong năm tài chính chậm nhất trước 30 ngày, tính từ bắt đầu của năm tài chính tiếp theo.

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

6. Tổng giám đốc kết thúc nhiệm kỳ tiếp tục điều hành công ty cho đến khi Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận bàn giao.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 34. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 23 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 35. THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) thành viên, trường hợp cần bổ sung thì nhiều nhất là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Các trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 36. TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn

một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, quản lý dự án hoặc chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 37. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;
4. Đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông;
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 38. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

ĐIỀU 39. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THUỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 40. TRÁCH NHIỆM CẦN TRỌNG

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

ĐIỀU 41. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty. Trường hợp bắt buộc phải thực hiện công việc nhân danh cá nhân thì phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, một Giám đốc điều hành hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

ĐIỀU 42. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 43. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 44. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 45. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

ĐIỀU 46. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 47. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày một (01) tháng một (01) hằng năm và kết thúc vào ngày ba mươi một (31) tháng mười hai (12) hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kết thúc vào ngày ba mươi một (31) tháng mười hai (12) của năm đó.

ĐIỀU 48. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 49. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, BÁN NIÊN VÀ QUÝ

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 50. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 51. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ CÔNG BỐ RA CÔNG CHÚNG

Việc công bố thông tin và thông báo ra công chúng của Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 52. KIỂM TOÁN

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải là những công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

ĐIỀU 53. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định về loại dấu, hình thức, số lượng và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

- a. Tên doanh nghiệp;
- b. Mã số doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

ĐIỀU 54. GIẢI THỂ CÔNG TY

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 55. THANH LÝ

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 56. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 57. ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 58. NGÀY HIỆU LỰC

1. Bản điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này thay thế Điều lệ được thông qua ngày 19/4/2024.
3. Điều lệ được lập thành ba (03) bản chính và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN PHÚC THIÊN AN

